

Bản án số: 87/2019/HS-ST

Ngày: 27-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Hương Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 86/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Văn P; sinh năm: 1995 tại tỉnh Bình Thuận; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã S, huyện L, tỉnh Bình Thuận; nơi ở: /(không có nơi ở nhất định); nghề nghiệp: Làm công; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông:/(vô danh) và bà: Trần Thị Tuyết M; tiền án: 01 (ngày 15/7/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Đức Linh tỉnh Bình Thuận xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 46/2014/HSST); tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28/02/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Đức Linh tỉnh Bình Thuận xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 22/7/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Đức Linh tỉnh Bình Thuận xử phạt 02 năm 08 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; bị bắt giữ ngày: 19/9/2019.

(Bị cáo có mặt).

- Bị hại:

Ông Nguyễn Nhật M – Sinh năm: 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường K, Phường H, Quận M, TP.HCM.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/Chế Thanh V – Sinh năm: 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường P, Phường L, quận T, TP.HCM.

2/Ông Nguyễn Thanh B – Sinh năm: 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: đường D, Phường H, Quận T, TP.HCM.

3/Ông Huỳnh Văn V – Sinh năm: 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: đường L, tổ B, ấp A, xã A, huyện C, TP.HCM.

(Chủ hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ Trọng Tín).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn P là nhân viên khách sạn “Ngọc Yến 2” địa chỉ: 08 đường Hoàng Dur Khương, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Biết ông Nguyễn Nhật M (là nhân viên khách sạn) để vali ở sân thượng khách sạn, nên P nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khoảng 08 giờ 00 ngày 12/9/2019, P lên sân thượng dùng kéo cạy vali của ông M, thấy bên trong vali có 01 chìa khóa xe mô tô và quần áo; P lấy chìa khóa xe xuống tầng trệt lấy chiếc xe mô tô hiệu Honda Airblade biển số 59L2-452.12 của ông M dựng ở góc cuối bãi xe và đi ra ngoài (*hành vi của P đã được camera ghi hình lại*); sau đó, P mở cốp xe thấy bên trong có: 01 túi đeo chéo màu nâu đen hiệu LV (trong túi có 01 đồng hồ nhựa màu đen hiệu SKMEI 1155B, 01 CMND, 01 bằng lái xe mang tên Nguyễn Nhật M, 01 bộ tai nghe không dây màu trắng hiệu Apple AirPods 2, 01 bóp cầm tay bên trong có 10.000.000 đồng và một số đồ dùng cá nhân), P đã bán chiếc xe mô tô biển số 59L2-452.12 cho 01 người bạn tên N (không rõ lai lịch, địa chỉ) với giá 10.000.000 đồng, cầm 01 giấy CMND và 01 bằng lái xe mang tên Nguyễn Nhật M cho Hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ Trọng Tín được 500.000 đồng; bán bộ tai nghe không dây trên mạng “chợ tốt” cho 01 cho đối tượng (không rõ lai lịch, địa chỉ) được 2.000.000 đồng; P đã tiêu xài cá nhân hết. Đối với ông Nguyễn Nhật M phát hiện bị mất xe, nên đến Công an Phường 12, Quận 10 trình báo sự việc và thông báo việc mất các tài sản như đã nêu trên. Công an

Phường 12, Quận 10 lập hồ sơ ban đầu, sau đó chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 điều tra, làm rõ.

Tài sản bị chiếm đoạt là: 01 chiếc xe mô tô biển số 59L2-452.12 (qua xác minh người đứng tên giấy đăng ký xe là ông Nguyễn Thanh B, sau đó bán sang tay cho bà Chế Thanh V, bà V bán sang tay cho ông Nguyễn Nhật M, anh M trả cho bà V còn thiếu 5.000.000 đồng; bà V, ông B không có yêu cầu gì liên quan về chiếc xe, đồng ý để ông M toàn quyền quyết định đối với chiếc xe trên trong vụ án này); 01 tai nghe không dây hiệu Bluetooth Apple AirPods; 10.000.000 đồng (không thu hồi được); 01 túi xách đeo chéo màu nâu đen hiệu LV (đồ giả da hàng nhái), 01 giấy chứng nhận khóa học trang điểm mang tên Nguyễn Nhật M, 01 đồng hồ nhựa màu đen hiệu SKMEI 1155B, 01 bóp cầm tay màu nâu đen hiệu LV (đồ giả da hàng nhái), 01 giấy tay mua bán xe 59L2-452.12, 01 thẻ bảo hành xe (thu giữ từ Trần Văn P) (đã thu hồi được); 01 giấy CMND và 01 bằng lái xe mang tên Nguyễn Nhật M (ông Phạm Văn T nhân viên Hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ Trọng Tín giao nộp và không yêu cầu bồi thường gì). Tại Kết luận định giá tài sản số 887/KL-ĐGTS ngày 26/10/2019 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận 10 kết luận: 01 chiếc xe mô tô biển số 59L2-452.12 có giá 30.000.000 đồng; 01 túi xách đeo chéo màu nâu đen hiệu LV (đồ giả da hàng nhái) có giá 50.000 đồng; 01 bóp cầm tay màu nâu đen hiệu LV (đồ giả da hàng nhái) có giá 30.000 đồng; 01 đồng hồ nhựa màu đen hiệu Skmei 1155B có giá 100.000 đồng; 01 tai nghe không dây hiệu Bluetooth Apple AirPods có giá 3.600.000 đồng. Tổng trị giá tài sản nêu là 33.780.000 đồng. Đối với số tài sản thu hồi được, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an Quận 10 đã trả lại cho ông Nguyễn Nhật M, ông M đồng ý nhận tài sản và yêu cầu Trần Văn P bồi thường thêm 43.600.000 đồng.

Qua truy xét, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã quyết định khởi tố điều tra đối với Trần Văn P về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Quá trình điều tra, Trần Văn P khai nhận hành vi như trên.

Tại bản cáo trạng số 85/CT-VKSQ.10 ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố: Trần Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo đúng theo nội dung bản

cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, bị hại, nêu lên những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (tái phạm), giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) và nhân thân của bị cáo; đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, 5 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo:

Trần Văn P: từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Đề nghị xử lý trách nhiệm và các biện pháp tư pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của bị cáo: Không có ý kiến gì trình bày.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trưng bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình, qua lời khai nhận của bị cáo, đối chiếu với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng, bản kết luận định giá tài sản, nội dung ghi hình camera, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định bị cáo Trần Văn P đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại có tổng giá trị là 43.780.000 đồng; nên bị cáo Trần Văn P bị truy tố và xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội; ngoài ra bị cáo còn có đặc điểm nhân thân: ngày 28/02/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Đức Linh tỉnh Bình Thuận xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 22/7/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Đức Linh tỉnh Bình Thuận xử phạt 02 năm 08 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” (đã xóa án tích). Do vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình với mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tệ nạn tại địa phương; đồng thời căn cứ vào khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), phạt bổ sung đối với bị cáo một khoản tiền, nộp ngân sách Nhà nước.

Về tình tiết tăng nặng: Ngày 15/7/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Đức Linh tỉnh Bình Thuận xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đã bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý, nhưng chưa được xóa án tích, nay lại tiếp thực hiện hành vi tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); do vậy bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về tình tiết giảm nhẹ: Tuy nhiên, xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo (nhưng chưa thật sự ăn năn hối cải); do vậy Hội đồng xét xử tương ứng áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự:

Xét thấy căn cứ vào chứng cứ hiện tại, có cơ sở xác định tài sản mà bị cáo Trần Văn P chiếm đoạt của ông Nguyễn Nhật M tổng cộng trị giá 43.780.000 đồng (trong đó tài sản chưa thu hồi được trị giá 43.600.000 đồng, tài sản thu hồi được là 180.000 đồng); nay phía ông M yêu cầu bồi thường tương ứng tài sản bị chiếm đoạt lần lượt là 43.600.000 đồng; xét thấy yêu cầu của phía các bị hại là hợp pháp; vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Trần Văn P bồi thường cho ông Nguyễn Nhật M là 43.600.000 đồng.

Về số tiền thu lợi bất chính: Đối với hành vi bị cáo chiếm đoạt tài sản là 01 giấy CMND và 01 bằng lái xe mang tên Nguyễn Nhật M; sau đó đem đi cầm tại Hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ Trọng Tín (do ông Phạm Văn T nhân viên nhận giao dịch) được 500.000 đồng; nay Hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ Trọng Tín đã trả lại cho bị hại, đồng thời không yêu cầu bồi thường gì; nhưng số tiền 500.000 đồng mà bị cáo có được là do phạm tội mà có; vậy căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), tịch thu khoản tiền trên, nộp ngân sách Nhà nước, bị cáo có trách nhiệm giao nộp lại.

Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Trần Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào khoản 1, 5 Điều 173; khoản 1 Điều 53; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Văn P;

Xử phạt bị cáo Trần Văn P: 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/9/2019.

Phạt bổ sung bị cáo P 5.000.000 (năm triệu) đồng, nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc: bị cáo Trần Văn P bồi thường cho ông Nguyễn Nhật M khoản tiền 43.600.000 (bốn mươi ba triệu năm trăm sáu mươi ngàn) đồng.

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017), tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước khoản tiền 500.000 (năm trăm ngàn) đồng, bị cáo Trần Văn P có trách nhiệm giao nộp lại.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc:

- Bị cáo P chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 2.180.000 (hai triệu một trăm tám mươi ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo tính từ ngày tuyên án; đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND Q.10; (2)
- Công an Q.10; (2)
- Chi cục THADS Q.10; (1)
- Người tham gia tố tụng; (3)
- Lưu: VP, THAHS, Hồ sơ. (5)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Triệu Luật